

**CÔNG TY TNHH BIA
CARLSBERG VIỆT NAM**

Số: CBVN/2022/HUE-0036

Vv: Công bố sản phẩm

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 08 năm 2022

*Căn cứ: Luật An toàn thực phẩm 2010;
Căn cứ nghị định 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật ATTP;
Căn cứ tình hình kinh doanh của Công ty.*

**THÔNG BÁO
CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH BIA CARLSBERG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lô B8, KCN Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Điện thoại: 0543850164 Fax: 0543850171 Email: anh.t.tran@carlsberg.asia

Mã số doanh nghiệp: 3300100586

Điều 1: Công bố Hợp quy cho các sản phẩm như sau:

TÊN SẢN PHẨM: BIA TUBORG ICE (LON)

SỐ CÔNG BỐ: 11/CBVN/2022, Ngày 26/08/2022

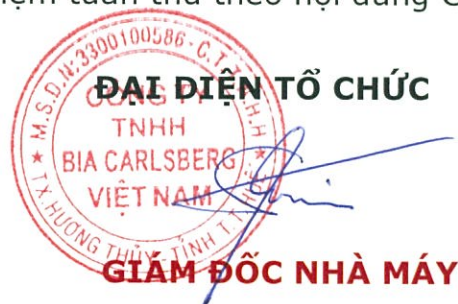
Điều 2: Hiệu lực

Các Hồ sơ công bố có hiệu lực kể từ thời điểm niêm yết tại trụ sở Công ty.

Các bộ phận, phòng ban liên quan có trách nhiệm tuân thủ theo nội dung Công bố.

Nơi nhận

- Chi cục ATVSTP tỉnh TT Huế
- Lãnh đạo
- Phòng kinh doanh
- Lưu QA./.



SEBASTIAN ERANIO LINDO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 11/CBVN/2022

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH BIA CARLSBERG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lô B8, Khu công nghiệp Phú Bài, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

Điện thoại: 0234 3850164 Fax: 0234 3850171

Email: anh.t.tran@carlsberg.asia

Mã số doanh nghiệp: 3300 100 586

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: **BIA TUBORG ICE (LON)**

2. Thành phần: Nước, đại mạch, ngũ cốc và hoa bia

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Thời hạn sử dụng: 9 tháng kể từ ngày sản xuất
- Ngày sản xuất: Xem NSX – HSD: xem ở đáy lon

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Bia được đóng trong lon nhôm chuyên dùng chứa đựng thực phẩm, đảm bảo ATTP theo quy định của Bộ Y Tế
- Thể tích lon: 330 ml, 500 ml/ lon; 04 đến 24 lon/ thùng carton

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm:

Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam.

Địa chỉ: Lô B8, Khu công nghiệp Phú Bài, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam



III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM



IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Tổ chức sản xuất kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia số QCVN 6-3:2010/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống có cồn.

1. Yêu cầu kỹ thuật

1.1 Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Chất lỏng trong và bền bọt ở 20°C
- Màu sắc: Màu vàng đặc trưng
- Mùi vị: Mùi thơm đặc trưng của đại mạch, ngũ cốc và hoa bia
- Bọt: Bọt trắng mịn

1.2 Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng ethanol (cồn) ở 20°C	% v/v	4,3 ± 1
2	Hàm lượng diacetyl	mg/l	≤ 0,2
3	Năng lượng	Kcal/100ml	≥ 25



1.3 Hàm lượng kim loại nặng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Thiếc (Sn)	mg/l	150

1.4 Hàm lượng chất không mong muốn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Hàm lượng Patulin	ppb	50

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 08 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
SEBASTIAN ERANIO LINDO





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên mẫu: Bia Tuborg Ice lon

Nơi sản xuất: CÔNG TY TNHH BIA CARLSBERG VIỆT NAM

Lô B8, khu công nghiệp Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt nam

Mô tả mẫu: Nguyên lon.

Thời gian lưu mẫu: Theo thủ tục Xử lý đối tượng thử nghiệm KNH/TT/7.4-01

Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH BIA CARLSBERG VIỆT NAM

Lô B8, khu công nghiệp Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt nam

Ngày nhận mẫu: 19/07/2022

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng Ethanol, % thể tích ở 20°C	%	KNH/QTTN/TP-31	4,6
2	Hàm lượng Diacetyl	mg/L	TCVN 6058:1995	KPH (< 0,09)
3	Năng lượng	Kcal/100ml		37,6
4	Hàm lượng Patulin	µg/L	TCVN 8161:2009	KPH (< 21,0)
5	Hàm lượng Chì	mg/L	ISO 15586:2003	KPH(< 5,08.10 ⁻³)
6	Hàm lượng Thiếc	mg/L	TCVN 7788:2007	KPH (< 23,6)
7	Tổng VSV hiếu khí	CFU/ml	TCVN 4884-1:2015	KPH
8	<i>Escherichia coli</i>	CFU/ml	TCVN 7924-2:2008	KPH
9	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	TCVN 4991:2005	KPH
10	Coliform tổng số	CFU/ml	TCVN 6848:2007	KPH
11	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/ml	TCVN 8275-1:2010	KPH
12	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	TCVN 6189-2:2009	KPH

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng định lượng của phương pháp)

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 07 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Xuân Cử